

Số: 372/QĐ/TGD-MXV

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành mức ký quỹ khi giao dịch liên kỳ hạn mặt hàng Cà phê tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;
- Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/9/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn, Hợp đồng Quyền chọn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;
- Xét đề nghị của Khối Quản lý Giao dịch,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành các mức ký quỹ khi thực hiện giao dịch liên kỳ hạn (inter-month), mặt hàng Cà phê tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) theo Phụ Lục I đính kèm.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20/5/2024 và thay thế Quyết định số: 331/QĐ/TGD-MXV ngày 25/4/2024.
- Điều 3.** Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: HC./.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
SỞ GIAO DỊCH
HÀNG HÓA
VIỆT NAM
Dương Đức Quang

PHỤ LỤC I
MỨC KÝ QUỸ GIAO DỊCH LIÊN KỶ HẠN (INTER-MONTH) MẶT HÀNG CÀ PHÊ
TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 372 /QĐ/TGD-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, ngày 12 tháng 5 năm 2024)

I. Danh sách các mức ký quỹ liên kỳ hạn mặt hàng Cà phê

1. Cà phê Arabica

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Arabica	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	07/2024	09/2024	1,495	USD
2				07/2024	12/2024	1,493	USD
3				07/2024	03/2025	1,591	USD
4				07/2024	05/2025	1,616	USD
5				09/2024	12/2024	826	USD
6				09/2024	03/2025	1,206	USD
7				09/2024	05/2025	1,239	USD
8				12/2024	03/2025	381	USD
9				12/2024	05/2025	539	USD
10				03/2025	05/2025	279	USD

2. Cà phê Robusta

STT	Tên hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn bắt đầu	Kỳ hạn kết thúc	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Robusta	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	05/2024	07/2024	2,680	USD
2				05/2024	09/2024	2,899	USD
3				05/2024	11/2024	2,741	USD
4				05/2024	01/2025	2,727	USD
5				05/2024	03/2025	2,839	USD
6				07/2024	09/2024	722	USD
7				07/2024	11/2024	1,100	USD
8				07/2024	01/2025	1,306	USD

9				07/2024	03/2025	1,510	USD
10				09/2024	11/2024	439	USD
11				09/2024	01/2025	842	USD
12				09/2024	03/2025	1,228	USD
13				11/2024	01/2025	518	USD
14				11/2024	03/2025	857	USD
15				01/2025	03/2025	370	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.

II. Danh sách các mức ký quỹ ban đầu theo kỳ hạn mặt hàng Cà phê

1. Cà phê Arabica

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Arabica	KCE	Nguyên liệu công nghiệp	ICE US	07/2024	6,600	USD
2					09/2024	6,600	USD
3					12/2024	5,775	USD
4					03/2025	5,363	USD
5					05/2025	5,363	USD

2. Cà phê Robusta

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Kỳ hạn hợp đồng	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Cà phê Robusta	LRC	Nguyên liệu công nghiệp	ICE EU	05/2024	3,894	USD
2					07/2024	3,850	USD
3					09/2024	3,685	USD
4					11/2024	3,410	USD
5					01/2025	3,212	USD
6					03/2025	3,080	USD

Ghi chú: Các trường hợp khác theo quy định của Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông.

Đ.T.L:4
GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM
N:0310

III. Mức ký quỹ áp dụng tại MXV

- Mức ký quỹ ban đầu áp dụng tại MXV bằng 120% mức ký quỹ ban đầu tại các Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có liên thông được công bố trong danh sách trên.
- Mức ký quỹ ban đầu trong danh sách trên sẽ được tính toán theo tỷ giá quy đổi do MXV công bố trong từng thời điểm.

